

Bản án số: 128/2025/DSST
Ngày: 29 – 9 – 2025
“ *V/v Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản
và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mẫn.
Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Lập

2/ Bà Đặng Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 4 - tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long: không tham
gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh
Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2025/TLST-DS ngày
11/7/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản và thực hiện
nghĩa vụ do người chết để lại*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
114/2025/QĐXXST – DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên
tòa số 216/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim E, sinh năm 1957.

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

1/ Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1979

2/ Anh Nguyễn Thành T1, sinh năm 2006 (con ông Nguyễn Thành H, đã
chết).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê
Thị Kim E trình bày:

Vào ngày 04/10/2021 bà có cho ông H (đã chết) và bà Lê Thị Hồng T vay
số tiền 150.000.000đ, lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay đến ngày 04/4/2022
sẽ trả lại. Đến ngày 04/4/2022, ông H và bà T không trả nợ gốc cho bà. Ông H
và bà T đã đóng lãi cho bà đến tháng 01/2024 thì ngưng lãi.

Nay bà yêu cầu bà [T](#) và anh [T1](#) (anh [T1](#) là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông [H](#)) có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc là 150.000.000đ. Bà không yêu cầu lãi suất.

Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

* Đối với bị đơn bà [Lê Thị Hồng T](#) và anh [Nguyễn Thành T1](#): Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn có nơi cư trú tại [xã H, tỉnh Vĩnh Long](#) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long.

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nhận thấy bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù được Tòa án tổng đạt đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của bà [Kim E](#) yêu cầu bà [T](#) và anh [T1](#) (anh [T1](#) là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông [H](#)) có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc là 150.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Vào ngày 04/10/2021 bà [Kim E](#) có cho ông [H](#) (đã chết) và bà [Lê Thị Hồng T](#) vay số tiền 150.000.000đ, lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay đến ngày 04/4/2022 sẽ trả lại. Đến nay thì ông [H](#) (đã chết) và bà [T](#) không trả nợ gốc cho bà [Kim E](#).

[2] Bà [Kim E](#) đã giao nộp cho Tòa án “Hợp đồng về việc thỏa thuận cho vay thế chấp” ngày 04/10/2021 thể hiện nội dung như đơn khởi kiện bà [Kim E](#) đã trình bày, có chữ ký tên của ông [H](#) và bà [T](#).

[3] Do ông [H](#) đã chết, bà [T](#) là vợ ông [H](#) vay tiền trong thời kỳ hôn nhân của ông, bà mục đích dùng tiền sinh hoạt chung trong thời kỳ hôn nhân. Nên buộc bà [T](#) trả cho bà [Kim E](#) số tiền nợ gốc là 75.000.000đ; Đồng thời buộc bà [T](#) và con trai là anh [T1](#) phải thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại có nghĩa vụ trả cho bà [Kim E](#) số tiền là 75.000.000đ trong phạm vi giá trị di sản do ông [H](#) để lại là phù hợp quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án có tổng đạt các văn bản tố tụng và gửi các tài liệu chứng cứ cho bị đơn nhưng phía bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa án trình bày ý kiến cũng như yêu cầu của mình. Nguyên đơn có nộp biên nhận nợ bản chính cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh.

[5] Căn cứ mục [1], [2] [3] và [4], có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015.

[6] Án phí sơ thẩm: Buộc bị đơn là bà [T](#) nộp 75.000.000đ x 5% = 3.750.000đ; Buộc bà [T](#) và anh [T1](#) (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông [H](#)) phải liên đới nộp số tiền 75.000.000đ x 5% = 3.750.000đ; Nguyên đơn không phải nộp án phí.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35; khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 227, 228 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 26 và 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà [Lê Thị Kim E](#).

Buộc bà [Lê Thị Hồng T](#) trả bà [Lê Thị Kim E](#) số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Buộc bà [Lê Thị Hồng T](#) và anh [Nguyễn Thành T1](#) (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông [Nguyễn Thành H](#)) phải thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại có nghĩa vụ liên đới trả bà [Lê Thị Kim E](#) số tiền vay gốc là 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng).

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc bà [Lê Thị Hồng T](#) nộp 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Buộc bà [Lê Thị Hồng T](#) và anh [Nguyễn Thành T1](#) (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông [Nguyễn Thành H](#)) liên đới nộp số tiền 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) trong phạm vi di sản do ông [Nguyễn T2](#) Hiếu để lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Kv4;
- Phòng THADS Kv4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Mẫn